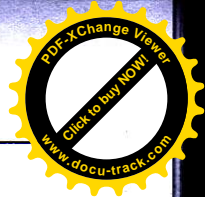
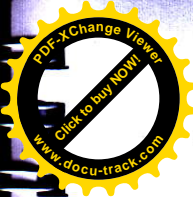


**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP
VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG THÁP**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

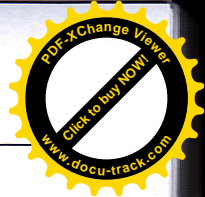
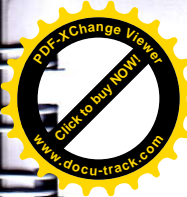




MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8 – 9
Thuyết minh báo cáo tài chính	10 – 43

2023
CÔ
T
KIỂM TO
RSM
1-7



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG THÁP

Địa chỉ: Số 03 Đường Tôn Đức Thắng, Phường 01, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây lắp và Vật Liệu Xây Dựng Đồng Tháp (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính riêng đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Châu Thành	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hữu Phước	Thành viên
Bà Trần Thị Thúy Hằng	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Võ Đình Quốc Huy	Trưởng ban
Ông Đặng Thanh Hồng	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thanh An	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Hữu Phước	Tổng Giám đốc
Ông Thái Văn Thum	Phó Tổng Giám đốc
Bà Trần Thị Thúy Hằng	Phó Tổng Giám đốc
Bà Phạm Minh Nghĩa	Phó Tổng Giám đốc

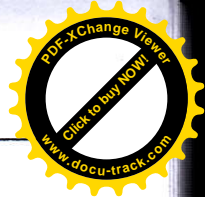
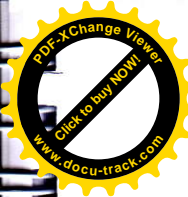
KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên RSM Quốc tế.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính riêng được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính riêng.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

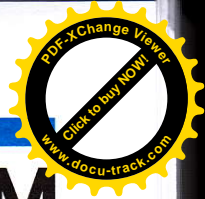
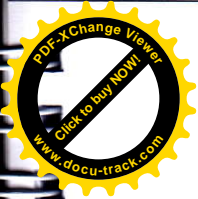
Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc 



Nguyễn Hữu Phước
Tổng Giám đốc
 Đồng Tháp, ngày 13 tháng 03 năm 2019





RSM Vietnam

Lầu 5, Tòa nhà Sài Gòn 3
140 Nguyễn Văn Thủ, Phường Đa Kao
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

T +848 3827 5026
F +848 3827 5027

www.rsm.global/vietnam

Số: 19.118/BCKT-RSM HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG THÁP**

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính riêng

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Xây Lập và Vật Liệu Xây Dựng Đồng Tháp (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 13 tháng 03 năm 2019 từ trang 05 đến trang 43, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

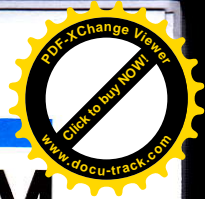
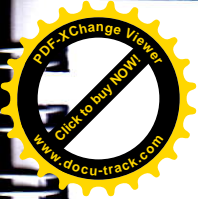
Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

THE POWER OF BEING UNDERSTOOD
AUDIT | TAX | CONSULTING



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xây Lấp và Vật Liệu Xây Dựng Đồng Tháp tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

KT TỔNG GIÁM ĐỐC



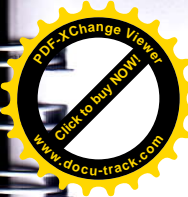
Lục Thị Vân
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
0172-2018-026-1

Nguyễn Thụy Nhã Vy
Kiểm toán viên
Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:
1875-2018-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam
TP. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 03 năm 2019

Như đã trình bày tại Mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính, báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.



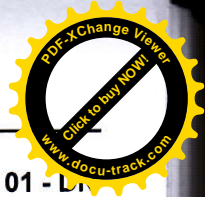
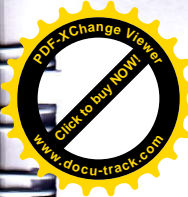


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 01/01/2018
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		566.432.789.266	472.232.192.046
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	13.644.192.150	4.441.810.074
1. Tiền	111		13.644.192.150	4.441.810.074
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	4.2	382.389.513.889	315.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		382.389.513.889	315.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		89.416.759.739	72.681.553.121
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	43.273.838.600	28.243.684.890
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	36.434.680.349	39.172.152.517
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.5	11.561.911.097	7.417.524.478
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(1.853.670.307)	(2.151.808.764)
IV. Hàng tồn kho	140	4.6	77.220.832.886	77.801.075.622
1. Hàng tồn kho	141		77.325.127.471	77.835.305.870
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(104.294.585)	(34.230.248)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.761.490.602	2.307.753.229
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.11	3.760.399.966	2.307.753.229
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.090.636	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		365.198.456.721	305.936.120.813
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		3.103.878.508	2.930.510.941
1. Phải thu dài hạn khác	216	4.5	3.103.878.508	2.930.510.941
II. Tài sản cố định	220		142.172.287.092	127.559.861.839
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.7	117.583.952.227	102.458.408.762
Nguyên giá	222		298.648.918.251	275.673.671.726
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(181.064.966.024)	(173.215.262.964)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	4.9	22.061.090.743	22.528.458.103
Nguyên giá	225		25.959.244.055	25.959.244.055
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(3.898.153.312)	(3.430.785.952)
3. Tài sản cố định vô hình	227	4.8	2.527.244.122	2.572.994.974
Nguyên giá	228		4.986.604.330	4.986.604.330
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.459.360.208)	(2.413.609.356)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		111.641.233.317	75.128.736.212
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.10	111.641.233.317	75.128.736.212
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		23.664.838.971	63.054.352.860
1. Đầu tư vào công ty con	251	4.2	11.664.838.971	11.664.838.971
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	2.000.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	4.2	1.192.413.670	1.192.413.670
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	4.2	(1.192.413.670)	(3.192.413.670)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	4.2	12.000.000.000	51.389.513.889
V. Tài sản dài hạn khác	260		84.616.218.833	37.262.658.961
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.11	84.616.218.833	37.262.658.961
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		931.631.245.987	778.168.312.859

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG THÁP**

Địa chỉ: Số 03 Đường Tôn Đức Thắng, Phường 01, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

Mẫu số B 01 - L

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

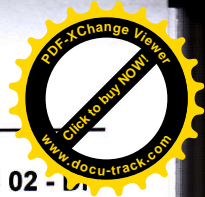
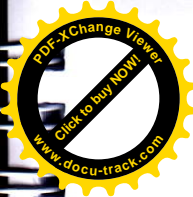
NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 01/01/2018
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		435.632.303.753	314.586.757.071
I. Nợ ngắn hạn	310		295.843.440.418	217.352.815.111
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.12	13.838.758.927	10.757.739.322
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.13	24.825.262.209	37.512.932.874
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.14	34.357.640.061	24.198.767.520
4. Phải trả người lao động	314	4.15	69.662.598.127	62.424.835.192
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.16	10.477.961.624	9.862.238.200
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	4.18	2.423.748.216	-
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.17	7.088.902.263	2.763.199.374
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.19	108.148.981.102	50.097.962.204
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		3.423.578.713	-
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		21.596.009.176	19.735.140.425
II. Nợ dài hạn	330		139.788.863.335	97.233.941.960
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	4.18	95.776.562.587	39.923.904.846
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	4.19	44.012.300.748	54.661.281.851
3. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	2.648.755.263
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		495.998.942.234	463.581.555.788
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.20	495.998.942.234	463.581.555.788
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		386.000.000.000	386.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		386.000.000.000	386.000.000.000
2. Cổ phiếu quỹ	415		(46.460.000)	(46.460.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		49.972.807.893	24.295.888.974
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		60.072.594.341	53.332.126.814
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		60.072.594.341	53.332.126.814
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		931.631.245.987	778.168.312.859



Nguyễn Hữu Phước
Tổng Giám đốc
 Đồng Tháp, ngày 13 tháng 03 năm 2019

Nguyễn Thành Trung
Kế toán trưởng

Nguyễn Phúc An
Người lập

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG THÁP**

Địa chỉ: Số 03 Đường Tôn Đức Thắng, Phường 01, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

Mẫu số B 02 - L

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

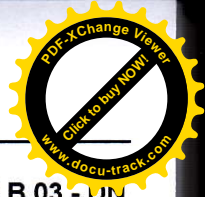
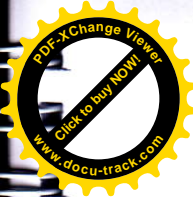
CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2018	Năm 2017
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	532.982.128.579	553.759.411.479
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		92.150.968	45.247.272
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		532.889.977.611	553.714.164.207
4. Giá vốn hàng bán	11	5.2	376.928.176.318	396.643.833.171
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		155.961.801.293	157.070.331.036
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	27.656.353.509	17.983.067.314
7. Chi phí tài chính	22	5.4	4.172.487.509	2.013.156.846
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		4.172.487.509	2.013.156.846
8. Chi phí bán hàng	25	5.5	20.750.770.490	26.875.392.044
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.6	38.900.242.633	46.188.181.367
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		119.794.654.170	99.976.668.093
11. Thu nhập khác	31	5.7	3.491.655.420	4.006.828.084
12. Chi phí khác	32	5.8	5.740.867.683	544.986.492
13. Lợi nhuận khác	40		(2.249.212.263)	3.461.841.592
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		117.545.441.907	103.438.509.685
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.10	24.249.081.382	20.940.468.432
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		93.296.360.525	82.498.041.253



Nguyễn Hữu Phước
 Tổng Giám đốc
 Đồng Tháp, ngày 13 tháng 03 năm 2019

Nguyễn Thành Trung
 Kế toán trưởng

Nguyễn Phúc An
 Người lập

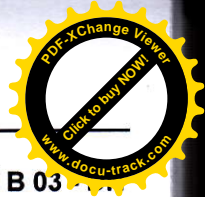
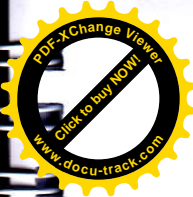


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2018	Năm 2017
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		117.545.441.907	103.438.509.685
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	5.9	18.413.095.752	22.928.151.153
Các khoản dự phòng	03		546.749.330	2.186.039.012
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(27.939.166.429)	(17.792.709.020)
Chi phí lãi vay	06	5.4	4.172.487.509	2.013.156.846
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		112.738.608.069	112.773.147.676
Tăng các khoản phải thu	09		(11.829.160.134)	(11.351.620.738)
Giảm hàng tồn kho	10		510.178.399	14.784.179.105
Tăng các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		70.321.994.062	38.763.488.717
Tăng chi phí trả trước	12		(48.806.206.609)	(30.684.535.394)
Tiền lãi vay đã trả	14		(4.172.487.509)	(2.051.529.651)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	4.14	(23.563.258.758)	(15.734.350.558)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		10.400.000	67.330.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(12.714.025.328)	(3.676.439.091)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		82.496.042.192	102.889.670.066
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(70.764.590.675)	(43.519.695.588)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		1.609.606.387	238.181.818
3. Tiền chi cho vay	23		(343.000.000.000)	(215.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay	24		315.000.000.000	69.500.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		22.773.766.377	13.741.540.791
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(74.381.217.911)	(175.039.972.979)

(Xem trang tiếp theo)



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2018	Năm 2017
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền chi mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	(46.460.000)
2. Tiền thu từ đi vay	33	6.1	399.630.128.600	298.052.119.361
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	6.2	(350.930.128.600)	(231.784.314.614)
4. Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35		(1.297.962.205)	-
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	4.20	(46.314.480.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		1.087.557.795	66.221.344.747
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM	50		9.202.382.076	(5.928.958.166)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4.1	4.441.810.074	10.370.768.240
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	70	4.1	13.644.192.150	4.441.810.074

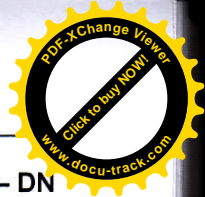
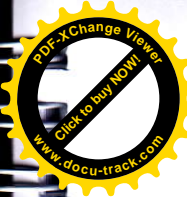


Nguyễn Hữu Phước
 Tổng Giám đốc

Đồng Tháp, ngày 13 tháng 03 năm 2019

Nguyễn Thành Trung
 Kế toán trưởng

Nguyễn Phúc An
 Người lập



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xây Lắp và Vật Liệu Xây Dựng Đồng Tháp (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trước đây là Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Một thành viên Xây Lắp và Vật Liệu Xây Dựng Đồng Tháp được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1400101396 cấp lần đầu ngày 09 tháng 07 năm 2010.

Công ty đã chuyển thành công ty cổ phần theo Quyết định số 997/QĐ-UBND-HC ngày 25/09/2015 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Đồng Tháp về việc Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Một thành viên Xây Lắp và Vật Liệu Xây Dựng Đồng Tháp được chuyển đổi thành công ty cổ phần.

Tại ngày 10 tháng 11 năm 2016, Công ty Cổ phần Xây Lắp và Vật Liệu Xây Dựng Đồng Tháp đã nhận vốn và tài sản từ Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Một thành viên Xây Lắp và Vật Liệu Xây Dựng Đồng Tháp theo Biên Bản Bàn Giao "Vốn và Tài sản từ Doanh nghiệp nhà nước sang Công ty Cổ phần Xây Lắp và Vật Liệu Xây Dựng Đồng Tháp". Công ty hoạt động dưới hình thức là công ty cổ phần từ ngày 11 tháng 11 năm 2016 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1400101396 thay đổi lần thứ 5 ngày 07 tháng 11 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 386.000.000.000 VND.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Số 03, Đường Tôn Đức Thắng, Phường 01, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 450 (31/12/2017: 450).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

- Kinh doanh xây lắp và khai thác cát;
- Sản xuất công nghiệp;
- Thương mại và dịch vụ;
- Thi công xây dựng công trình giao thông và công trình dân dụng;
- Đầu tư và kinh doanh bất động sản;
- Đầu tư và kinh doanh Khu công nghiệp.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

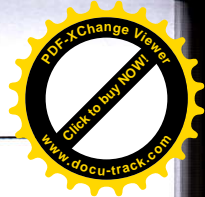
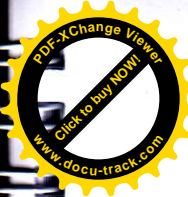
Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Khai thác cát sông - Thi công san lấp mặt bằng;
- Sản xuất và kinh doanh các loại VLXD: Bê tông tươi - Bê tông ly tâm - Bê tông nhựa nóng;
- Đầu tư xây dựng, kinh doanh hạ tầng KCN và kinh doanh nhà đất;
- Xây dựng công trình giao thông, công nghiệp, dân dụng, nhà ở và trang trí nội thất;
- Khảo sát, thiết kế các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông và dịch vụ tư vấn xây dựng;
- Sản xuất phụ tùng cơ khí và sửa chữa phương tiện thủy, bộ;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, thủy nội địa;
- Thử nghiệm cơ khí VLXD, kiểm định chất lượng xây dựng, an toàn chịu lực công trình.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

(Xem trang tiếp theo)



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

1.5. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty có các công ty con và đơn vị trực thuộc như sau:

<u>Tên</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>	<u>Tỷ lệ vốn góp</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>
Công ty con:				
Công ty CP Vận tải BMC Đồng Tháp	Cao Lãnh, Đồng Tháp	51,0%	51,0%	51,0%
Công ty CP Tư vấn Thiết kế Xây dựng BMC Đồng Tháp	Cao Lãnh, Đồng Tháp	68,0%	68,0%	68,0%

Các đơn vị trực thuộc tính đến 31 tháng 12 năm 2018 gồm:

<u>Tên</u>	<u>Địa chỉ</u>
Xí nghiệp xây dựng	Cao Lãnh, Đồng Tháp
Xí nghiệp đầu tư và kinh doanh nhà đất	Cao Lãnh, Đồng Tháp
Xí nghiệp cơ khí sửa chữa	Cao Lãnh, Đồng Tháp
Chi nhánh Trung tâm thử nghiệm và kiểm định chất lượng xây dựng BMC Đồng Tháp	Cao Lãnh, Đồng Tháp
Chi nhánh Nhà máy bê tông	Cao Lãnh, Đồng Tháp
Cửa hàng Kinh doanh Vật liệu Xây dựng Trần Quốc Toàn	Cao Lãnh, Đồng Tháp
Cửa hàng Kinh doanh Vật liệu Xây dựng Cao Lãnh	Cao Lãnh, Đồng Tháp
Cửa hàng KD VLXD Xẻo Vạt	Châu Thành, Đồng Tháp

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

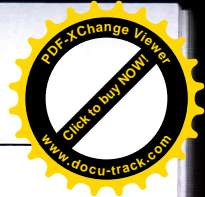
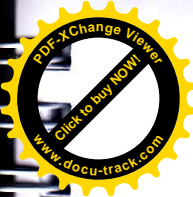
2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12; riêng năm tài chính đầu tiên sau cổ phần hóa từ ngày 11/11/2016 đến ngày 31/12/2017.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

(Xem trang tiếp theo)



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

3.1. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng.

3.3. Đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản như các khoản tiền gửi có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty con khi Công ty có quyền kiểm soát các chính sách và hoạt động, thường thể hiện qua việc nắm giữ hơn 50% quyền biểu quyết.

Các khoản đầu tư vào công ty con được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.

Đầu tư khác

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư khác là các khoản đầu tư ngoài các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên doanh, và đầu tư vào công ty liên kết.

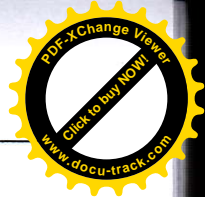
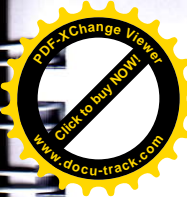
Các khoản đầu tư khác được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính

Đối với các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 (Thông tư 228) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 của Bộ Tài chính. Theo đó, Công ty được yêu cầu trích lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn nếu tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch theo phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích tối đa cho mỗi khoản đầu tư bằng số vốn đã đầu tư.

(Xem trang tiếp theo)



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.4. Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi là giá trị dự kiến tổn thất do khách hàng không thanh toán cho các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc dựa trên khả năng thu hồi các khoản nợ phải thu này tại thời điểm lập báo cáo tài chính riêng.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5. Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

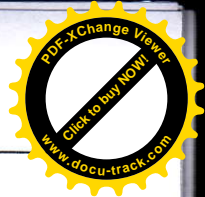
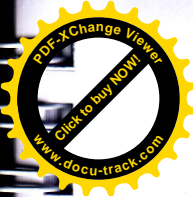
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.





THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

- | | |
|----------------------------------|-------------|
| ▪ Nhà cửa, vật kiến trúc | 10 – 20 năm |
| ▪ Máy móc thiết bị | 06 – 30 năm |
| ▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn | 06 – 10 năm |
| ▪ Thiết bị văn phòng | 04 – 07 năm |
| ▪ Tài sản khác | 10 – 20 năm |

3.7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất vô thời hạn không trích khấu hao.

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

3.8. Thuê tài sản

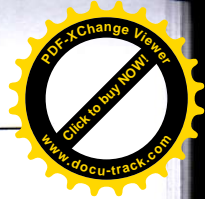
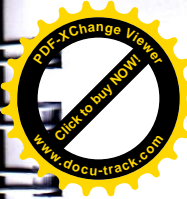
Phân loại thuê tài sản

Thuê tài chính là thuê tài sản mà bên cho thuê có sự chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản cho bên thuê. Tất cả các khoản thuê khác được phân loại là thuê hoạt động.

Thuê tài chính

Tài sản thuê tài chính được ghi nhận là tài sản và nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán với cùng một giá trị bằng với giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản.

Nếu giá trị hợp lý của tài sản thuê cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản thì ghi nhận theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Khoản thanh toán tiền thuê tài sản thuê tài chính được chia ra thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc. Chi phí tài chính được tính theo từng kỳ kế toán trong suốt thời hạn thuê theo tỷ lệ lãi suất cố định trên số dư nợ còn lại cho mỗi kỳ kế toán.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian hữu dụng ước tính tương tự như đối với tài sản thuộc sở hữu của Công ty hoặc theo thời hạn thuê, trong trường hợp thời gian này ngắn hơn, cụ thể như sau:

- Hạ tầng khu công nghiệp 40 năm

Thuê hoạt động

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản.

3.9. Cho thuê tài sản

Cho thuê hoạt động

Tài sản cho thuê hoạt động được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán theo cách phân loại tài sản của Công ty.

Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí trong kỳ khi phát sinh/phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê theo thời hạn của hợp đồng thuê. Doanh thu cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn thuê, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán.

Khấu hao tài sản cho thuê hoạt động được thực hiện trên cơ sở nhất quán với chính sách khấu hao của bên cho thuê áp dụng đối với những tài sản tương tự.

3.10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan được hạch toán phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc trích khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

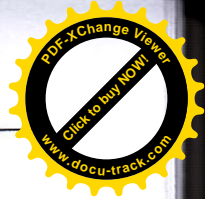
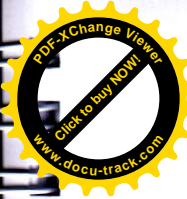
3.11. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến giá vốn công cụ, dụng cụ và tiền thuê đất trả trước,.... Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Tiền thuê đất trả trước được phân bổ theo thời hạn thuê;
- Công cụ, dụng cụ được phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh;
- Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản.

(Xem trang tiếp theo)



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.12. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tắc và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

3.13. Chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

3.14. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

3.15. Dự phòng phải trả

Một khoản dự phòng phải trả được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Dự phòng phải trả không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng phải trả được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.

3.16. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là doanh thu nhận trước số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản.

Hàng kỳ tính, xác định và kết chuyển doanh thu chưa thực hiện vào doanh thu trong kỳ phù hợp với thời gian cho thuê tài sản.

3.17. Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

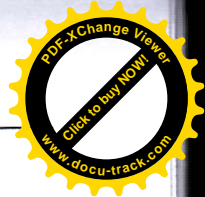
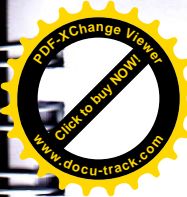
Cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

1789
G T
HH
H & T
BTN
HỒ



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.18. Doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Thu nhập đầu tư

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư

Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư là phần chênh lệch giữa khoản thu từ việc thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư cao hơn giá trị còn lại của tài sản cố định, bất động sản đầu tư và chi phí thanh lý.

3.19. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu: Giảm giá hàng bán.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau và sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh khoản giảm trừ.

3.20. Giá vốn hàng bán

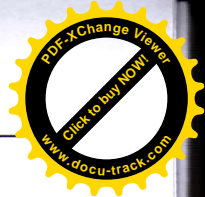
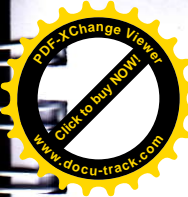
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu.

3.21. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác.

3.22. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí nhân công, nhiên liệu, khấu hao tài sản cố định, quảng cáo, vận chuyển....



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax,...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách,...).

3.23. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo mức thuế suất:

- Không chịu thuế: Chuyển nhượng quyền sử dụng đất;
- Thuế suất 10%: Các hàng hóa dịch vụ còn lại của Công ty.

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

3.24. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm Ban Tổng giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Tiền mặt	4.245.128.918	769.680.911
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	9.399.063.232	3.672.129.163
Cộng	13.644.192.150	4.441.810.074

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG THÁP

Địa chỉ: Số 03 Đường Tôn Đức Thắng, Phường 01, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.2. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn từ 12 - 13 tháng với lãi suất trung bình từ 6,3%/năm đến 7,5%/năm.

Các khoản tiền gửi có kỳ hạn đã được thế chấp cho các khoản vay ngân hàng được chi tiết như sau:

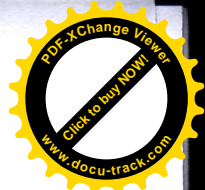
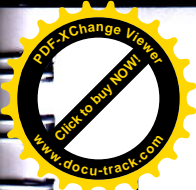
Khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) - Chi nhánh Sa Đéc, được dùng để đảm bảo cho khoản vay thấu chi có hạn mức là 16.500.000.000 VND, theo Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng số 02.02/2018/543444/SDBS ngày 16 tháng 08 năm 2018 - Xem thêm mục 4.19, được chi tiết như sau:

Tài khoản	Lãi suất	Thời hạn (tháng)	Ngày đáo hạn	Giá trị (VND)
69610000136059	6,40%	12	28/06/2019	5.000.000.000
69610000139739	6,40%	12	07/08/2019	4.500.000.000
69610000140935	6,40%	12	16/08/2018	7.000.000.000
Cộng				16.500.000.000

Khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) - Chi nhánh Đồng Tháp, được dùng để đảm bảo cho khoản vay thấu chi có hạn mức là 4.000.000.000 VND, theo Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng số 05-03/2018/543444/PLHĐTC ngày 12 tháng 12 năm 2018 - Xem thêm mục 4.19, được chi tiết như sau:

Tài khoản	Lãi suất	Thời hạn (tháng)	Ngày đáo hạn	Giá trị (VND)
69110000671111	6,50%	12	13/09/2018	4.000.000.000

(Xem trang tiếp theo)



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG THÁP

Địa chỉ: Số 03 Đường Tôn Đức Thắng, Phường 01, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) - Chi nhánh Đồng Tháp, được dùng để đảm bảo cho khoản vay thấu chi có hạn mức là 26.000.000.000 VND, theo Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng số 02-01/2018/543444/PLHĐTC ngày 21 tháng 12 năm 2018 – Xem thêm mục 4.19, được chi tiết như sau:

Tài khoản	Lãi suất	Thời hạn (tháng)	Ngày đáo hạn	Giá trị (VND)
69.110.000.589.296	6,70%	13	04/01/2019	1.000.000.000
69.110.000.591.167	6,70%	13	11/01/2019	2.000.000.000
69.110.000.591.538	6,70%	13	12/01/2019	6.000.000.000
69.110.000.592.629	6,70%	13	18/01/2019	2.000.000.000
69.110.000.592.780	6,70%	13	18/01/2019	4.000.000.000
69.110.000.415.489	6,70%	13	19/01/2019	4.000.000.000
69.110.000.619.139	6,70%	13	15/04/2019	2.000.000.000
69.110.000.628.320	6,70%	13	16/05/2019	5.000.000.000
Cộng				26.000.000.000

Khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) - Chi nhánh Đồng Tháp, được dùng để đảm bảo cho khoản vay thấu chi có hạn mức là 2.000.000.000 VND, theo Hợp đồng thấu chi số 04/2018/543444/HĐTC ngày 11 tháng 12 năm 2018 – Xem thêm mục 4.19, được chi tiết như sau:

Tài khoản	Lãi suất	Thời hạn (tháng)	Ngày đáo hạn	Giá trị (VND)
69110000677030	6,80%	12	01/10/2019	2.000.000.000

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG THÁP

Địa chỉ: Số 03 Đường Tôn Đức Thắng, Phường 01, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

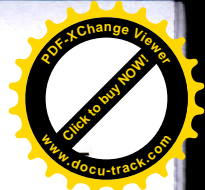
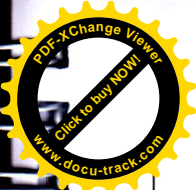
Khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) - Chi nhánh Đồng Tháp, được dùng để đảm bảo cho khoản vay thấu chi có hạn mức là 34.000.000.000 VND, theo Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng số 05-02/2018/543444/PLHĐTC ngày 09 tháng 08 năm 2018 – Xem thêm mục 4.19, được chi tiết như sau:

Tài khoản	Lãi suất	Thời hạn (tháng)	Ngày đáo hạn	Giá trị (VND)
69110000649871	6,40%	12	29/06/2019	5.000.000.000
69110000651496	6,40%	12	04/07/2019	1.000.000.000
69110000655124	6,40%	12	17/07/2018	14.000.000.000
69110000658910	6,40%	12	01/08/2018	2.000.000.000
69110000659357	6,40%	12	02/08/2018	5.000.000.000
69110000661352	6,40%	12	09/08/2018	7.000.000.000
Cộng				34.000.000.000

Khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) - Chi nhánh Đồng Tháp, được dùng để đảm bảo cho khoản vay thấu chi có hạn mức là 20.000.000.000 VND, theo Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng số 01-05/2018/543444/PLHĐTC ngày 24 tháng 12 năm 2018 – Xem thêm mục 4.19, được chi tiết như sau:

Tài khoản	Lãi suất	Thời hạn (tháng)	Ngày đáo hạn	Giá trị (VND)
69110000584617	7,00%	13	15/01/2020	9.000.000.000
69110000491717	7,00%	12	16/12/2019	8.000.000.000
69110000586206	7,00%	13	22/01/2020	3.000.000.000
Cộng				20.000.000.000

(Xem trang tiếp theo)



9-C
TY
TƯ
NAM
CH

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG THÁP

Địa chỉ: Số 03 Đường Tôn Đức Thắng, Phường 01, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Đồng Tháp, được dùng để đảm bảo cho khoản vay thấu chi có hạn mức là 19.000.000.000 VND, theo Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 34/2018/VCSBT-CRC ngày 21 tháng 12 năm 2018 – Xem thêm mục 4.19, được chi tiết như sau:

Tài khoản	Lãi suất	Thời hạn (tháng)	Ngày đáo hạn	Giá trị (VND)
060.5.000200549	6,8%	12	16/10/2019	5.000.000.000
060.5.000200864	6,8%	12	30/10/2019	5.000.000.000
060.5.000204506	6,6%	12	16/04/2019	5.000.000.000
060.5.000205154	6,6%	12	16/05/2019	4.000.000.000
Cộng				19.000.000.000

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG THÁP

Địa chỉ: Số 03 Đường Tôn Đức Thắng, Phường 01, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được chi tiết như sau:

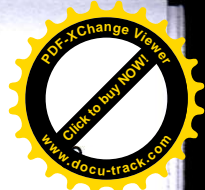
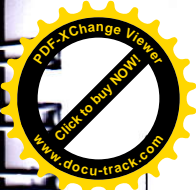
	Tại ngày 31/12/2018		Tại ngày 01/01/2018	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào công ty con:				
Công ty Cổ phần Vận tải BMC Đồng Tháp	11.100.017.122	-	11.100.017.122	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Xây dựng BMC Đồng Tháp	564.821.849	-	564.821.849	-
Cộng	11.664.838.971	-	11.664.838.971	-
Đầu tư vào đơn vị khác:				
Công ty Cổ phần Docimexco	1.192.413.670	(1.192.413.670)	1.192.413.670	(1.192.413.670)

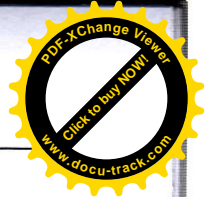
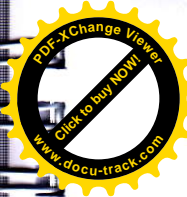
Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Vận tải BMC Đồng Tháp, Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Xây dựng BMC Đồng Tháp và Công ty Cổ phần Docimexco để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(Xem trang tiếp theo)

H * H * H * N

M.S.D.N





CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG THÁP

Địa chỉ: Số 03 Đường Tôn Đức Thắng, Phường 01, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

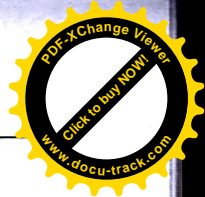
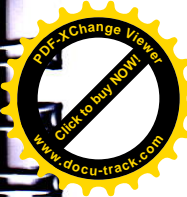
	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Phải thu khách hàng là các bên liên quan – Xem thêm mục 7	99.597.479	169.508.257
Phải thu từ khách hàng:		
Công ty TNHH MTV San Lập Đồng Tháp 689	10.377.321.032	-
Ban Quản Lý Dự án và Phát Triển Quỹ đất Huyện Châu	3.756.797.000	-
Công ty Cổ Phần Đầu Tư Xây Dựng 886 - Thành Nam	3.703.811.540	-
Công ty TNHH MTV Xây Dựng IDICO - Đồng Nai	3.636.790.194	-
Cục Cảnh sát giao thông - Bộ Công an	401.858.000	4.443.420.600
Các khách hàng khác	21.297.663.355	23.630.756.033
Cộng	43.273.838.600	28.243.684.890

4.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Trung tâm phát triển quỹ nhà đất Tỉnh Đồng Tháp	26.513.835.000	26.513.835.000
Công ty TNHH MTV San lập Đồng Tháp 689	5.919.303.480	-
Ban QLDA PT quỹ đất Thị xã Hồng Ngự Đồng Tháp	-	3.628.454.000
Các nhà cung cấp khác	4.001.541.869	9.029.863.517
Cộng	36.434.680.349	39.172.152.517

4.5. Phải thu khác

	Tại ngày 31/12/2018 VND		Tại ngày 01/01/2018 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn:				
Phải thu về cổ tức – Xem thêm mục 7	2.618.050.000	-	2.000.000.000	-
Tạm ứng	1.042.480.015	-	1.368.080.355	-
Lãi dự thu từ tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	7.833.188.452	-	3.668.872.222	-
Phải thu ngắn hạn khác	68.192.630	-	380.571.901	-
Cộng	11.561.911.097	-	7.417.524.478	-
Dài hạn:				
Ký cược, ký quỹ	3.103.878.508	-	2.930.510.941	-



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.6. Hàng tồn kho

	Tại ngày 31/12/2018		Tại ngày 01/01/2018	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	10.894.562.088	-	11.708.983.911	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	8.779.984.982	-	27.729.624.192	-
Thành phẩm	3.112.588.929	(104.294.585)	2.699.510.732	(34.230.248)
Hàng hóa	54.537.991.472	-	35.697.187.035	-
Cộng	<u>77.325.127.471</u>	<u>(104.294.585)</u>	<u>77.835.305.870</u>	<u>(34.230.248)</u>

Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối năm là 104.294.585 VND.

(Xem trang tiếp theo)

361
 ÔN
 TN
 TOÁN
 M V
 T.P

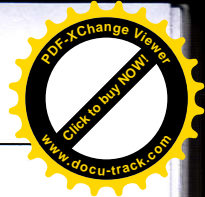
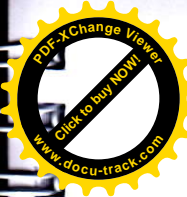
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG THÁP

Địa chỉ: Số 03 Đường Tôn Đức Thắng, Phường 01, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định hữu hình khác VND	Cộng VND
Nguyên giá:						
Tại ngày 01/01/2018	25.175.987.575	208.922.902.637	40.403.103.713	648.122.997	523.554.804	275.673.671.726
Mua trong năm	-	15.469.176.508	6.444.436.000	34.500.000	-	21.948.112.508
Đầu tư XD CB hoàn thành	7.281.252.454	-	-	-	5.022.728.608	12.303.981.062
Thanh lý, nhượng bán	-	(6.237.403.409)	(5.039.443.636)	-	-	(11.276.847.045)
Tại ngày 31/12/2018	32.457.240.029	218.154.675.736	41.808.096.077	682.622.997	5.546.283.412	298.648.918.251
Giá trị hao mòn lũy kế:						
Tại ngày 01/01/2018	12.183.302.138	134.109.781.592	26.333.379.379	503.230.975	85.568.880	173.215.262.964
Khấu hao trong năm	1.149.288.205	13.875.808.770	2.797.675.813	42.397.912	34.806.840	17.899.977.540
Thanh lý, nhượng bán	-	(5.542.756.990)	(4.507.517.490)	-	-	(10.050.274.480)
Tại ngày 31/12/2018	13.332.590.343	142.442.833.372	24.623.537.702	545.628.887	120.375.720	181.064.966.024
Giá trị còn lại:						
Tại ngày 01/01/2018	12.992.685.437	74.813.121.045	14.069.724.334	144.892.022	437.985.924	102.458.408.762
Tại ngày 31/12/2018	19.124.649.686	75.711.842.364	17.184.558.375	136.994.110	5.425.907.692	117.583.952.227

HỒ SƠ
789



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG THÁP

Địa chỉ: Số 03 Đường Tôn Đức Thắng, Phường 01, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	TSCĐ vô hình khác VND	Cộng VND
Nguyên giá:				
Tại ngày 01/01/2018	2.397.616.725	76.000.000	2.512.987.605	4.986.604.330
Tại ngày 31/12/2018	2.397.616.725	76.000.000	2.512.987.605	4.986.604.330
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Tại ngày 01/01/2018	-	76.000.000	2.337.609.356	2.413.609.356
Khấu hao trong năm	-	-	45.750.852	45.750.852
Tại ngày 31/12/2018	-	76.000.000	2.383.360.208	2.459.360.208
Giá trị còn lại:				
Tại ngày 01/01/2018	2.397.616.725	-	175.378.249	2.572.994.974
Tại ngày 31/12/2018	2.397.616.725	-	129.627.397	2.527.244.122

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 76.000.000 VND.

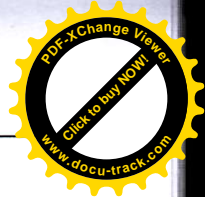
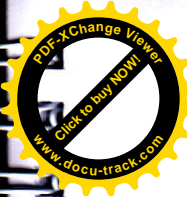
4.9. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

Là hạ tầng khu công nghiệp Trần Quốc Toàn được Công ty thuê lại từ Sở tài chính tỉnh Đồng Tháp với giá thuê theo tổng giá trị vốn ngân sách đầu tư hạ tầng Khu công nghiệp Trần Quốc Toàn là 25.959.244.055 VND trong 40 năm, tính từ thời điểm ngày 01 tháng 01 năm 2017.

4.10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Cụm Công nghiệp Trường Xuân	74.336.801.905	61.892.605.967
Cụm Công nghiệp Tân Lập Châu Thành	37.297.034.139	913.974.455
Cụm Công nghiệp Tân Kiều Tháp Mười	7.397.273	3.760.909
Vĩa hè cây xanh KCN Trần Quốc Toàn	-	3.379.179.091
Nhánh rẽ trung thế Công trình nhà máy xử lý nước thải	-	7.190.199.818
Hệ thống nước thải nhà máy bia Sài Gòn	-	648.979.090
Hệ thống thoát nước, nước thải đường D3 nối dài	-	645.958.700
Hệ thống thoát nước từ nhà máy ra kênh cũ	-	454.078.182
Cộng	111.641.233.317	75.128.736.212





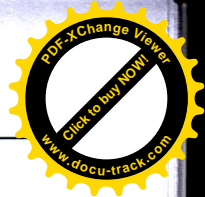
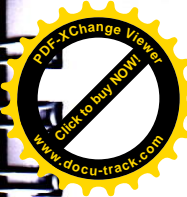
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.11. Chi phí trả trước

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Ngắn hạn:		
Cấp phép khai thác khoáng sản	3.513.089.375	1.880.013.148
Chi phí sửa chữa, lắp đặt	109.259.791	78.851.750
Chi phí công cụ dụng cụ	51.050.800	232.221.667
Chi phí thuê mặt bằng, sà lan	87.000.000	116.666.664
Cộng	3.760.399.966	2.307.753.229
Dài hạn:		
Tiền thuê đất KCN Trần Quốc Toản	66.910.035.465	30.518.676.043
Tiền cấp phép khai thác khoáng sản	17.483.783.368	6.274.807.921
Tiền thuê mặt bằng Cửa hàng Cao Lãnh	222.400.000	444.800.000
Khác	-	24.374.997
Cộng	84.616.218.833	37.262.658.961

4.12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2018 VND		Tại ngày 01/01/2018 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho các bên liên quan – Xem thêm mục 7	1.391.010.143	1.391.010.143	1.111.406.525	1.111.406.525
Phải trả cho người bán:				
Cty TNHH Châu Đốc 689 - An Giang	1.979.279.531	1.979.279.531*	962.846.028	962.846.028
Công Ty TNHH MTV Phát Duy Nha Môn - Đồng Tháp	1.331.042.460	1.331.042.460	-	-
Cty TNHH MTV DV- TM - VT Hiệp Phương - Long An	960.915.546	960.915.546	63.045.200	63.045.200
Cty TNHH Hữu Tâm - Đồng Tháp	906.659.350	906.659.350	-	-
DNTN Hữu Tâm - Đồng Tháp	-	-	1.268.427.650	1.268.427.650
Phải trả cho các đối tượng khác	7.269.851.897	7.269.851.897	7.352.013.919	7.352.013.919
Cộng	13.838.758.927	13.838.758.927	10.757.739.322	10.757.739.322



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.13. Người mua trả trước ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Công ty Cổ phần giống cây trồng Trung Ương – HN	6.355.000.000	-
Ban QLDA Đầu Tư XDCT Giao Thông Tỉnh Đồng Tháp	4.259.304.000	-
Trung Tâm Phát Triển Quỹ Đất Huyện Cao Lãnh	3.232.509.000	3.444.160.000
Công ty TNHH liên doanh Nghị Phong - Đồng Tháp	-	8.000.000.000
Ban Quản Lý Dự án và Phát Triển Quỹ đất Huyện Châu Thành	-	6.427.400.000
Văn phòng UBND tỉnh Đồng Tháp	-	3.178.000.000
CN TCT Điện lực Miền Nam TNHH – Công ty Thí nghiệm điện	-	3.011.850.000
Các khách hàng khác	10.978.449.209	13.451.522.874
Cộng	24.825.262.209	37.512.932.874

(Xem trang tiếp theo)



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG THÁP

Địa chỉ: Số 03 Đường Tôn Đức Thắng, Phường 01, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

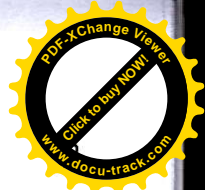
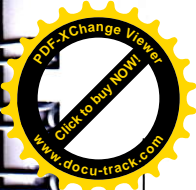
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.14. Thuế và các khoản (phải thu)/phải nộp Nhà nước**

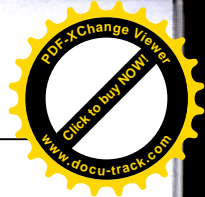
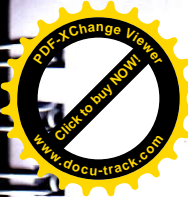
	Tại ngày 31/12/2018		Trong năm		Tại ngày 01/01/2018	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải thu	Phải nộp
	VND		VND		VND	
Thuế giá trị gia tăng	-	2.719.984.600	38.046.025.424	37.700.098.425	-	2.374.057.601
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	6.756.925.424	24.249.081.382	23.563.258.758	-	6.071.102.800
Thuế thu nhập cá nhân	-	532.517.561	2.100.328.842	1.798.539.797	-	230.728.516
Thuế tài nguyên	-	11.302.568.946	71.392.111.500	67.232.562.000	-	7.143.019.446
Phí môi trường	-	4.684.502.324	27.035.583.361	25.138.577.000	-	2.787.495.963
Tiền thuê đất	-	-	38.571.875.110	38.596.094.604	-	24.219.494
Tiền cấp quyền khai thác	-	8.361.141.206	43.270.067.776	40.477.070.270	-	5.568.143.700
Thuế trước bạ	-	-	209.459.971	209.459.971	-	-
Thuế môn bài	-	-	15.000.000	15.000.000	-	-
Cộng	-	34.357.640.061	244.889.533.366	234.730.660.825	-	24.198.767.520

4.15. Phải trả người lao động

Là khoản tiền lương còn phải trả cho người lao động.

(Xem trang tiếp theo)

3617
ĐỒNG
TỈNH
CÁNH
VIỆT
T.P. 6



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Trích trước tiền thuê mặt nước đối với hoạt động khai thác cát	6.881.452.062	-
Trích trước chi phí cấp quyền khai thác cát	2.933.749.632	9.667.695.240
Trích trước chi phí thuê KCN Trần Quốc Toàn	282.870.097	-
Trích trước chi phí thuê mặt bằng Cửa hàng Cao Lãnh	194.542.960	194.542.960
Khác	185.346.873	-
Cộng	10.477.961.624	9.862.238.200

4.17. Phải trả ngắn hạn khác

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Nhận ký quỹ, ký cược	5.416.012.806	2.688.608.295
Kinh phí công đoàn	37.737.145	44.934.359
Phải trả, phải nộp khác	1.635.152.312	29.656.720
Cộng	7.088.902.263	2.763.199.374

4.18. Doanh thu chưa thực hiện

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Ngắn hạn:		
Thu trước tiền cho thuê đất khu công nghiệp	2.423.748.216	
Dài hạn:		
Thu trước tiền cho thuê đất khu công nghiệp	95.776.562.587	39.923.904.846

Doanh thu chưa thực hiện dài hạn là khoản tiền khách hàng trả trước 01 lần cho toàn bộ thời gian thuê đất tại khu công nghiệp Trần Quốc Toàn trong vòng 50 năm, kết thúc thời hạn thuê tại ngày 13 tháng 02 năm 2058.

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG THÁP

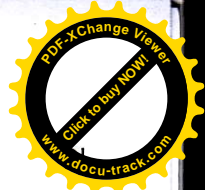
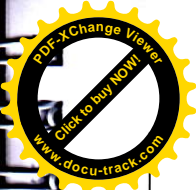
Địa chỉ: Số 03 Đường Tôn Đức Thắng, Phường 01, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.19. Vay và nợ thuê tài chính**

Các khoản vay được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2018		Trong năm		Tại ngày 01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Ngân hạn:						
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sa Đéc	12.000.000.000	12.000.000.000	42.000.000.000	55.800.000.000	25.800.000.000	25.800.000.000
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp	68.500.000.000	68.500.000.000	329.630.128.600	274.130.128.600	13.000.000.000	13.000.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Đồng Tháp	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	-	-	-
Ngân hàng NN & PTNT - Chi nhánh Huyện Cao Lãnh	7.000.000.000	7.000.000.000	18.000.000.000	11.000.000.000	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả	10.648.981.102	10.648.981.102	-	-	11.297.962.204	11.297.962.204
Cộng	108.148.981.102	108.148.981.102	399.630.128.600	340.930.128.600	50.097.962.204	50.097.962.204

(Xem trang tiếp theo)



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG THÁP

Địa chỉ: Số 03 Đường Tôn Đức Thắng, Phường 01, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Dài hạn:

Quý Đầu tư Phát									
Triển Tỉnh Đồng Tháp	30.000.000.000	30.000.000.000	-	10.000.000.000	40.000.000.000	40.000.000.000			40.000.000.000
Nợ thuế tài chính	24.661.281.850	24.661.281.850	-	1.297.962.205	25.959.244.055	25.959.244.055			25.959.244.055
Trừ: vay dài hạn đến hạn trả	(10.648.981.102)	(10.648.981.102)	-	-	(11.297.962.204)	(11.297.962.204)			(11.297.962.204)
Cộng	44.012.300.748	44.012.300.748	-	11.297.962.205	54.661.281.851	54.661.281.851			54.661.281.851
Tổng cộng	152.161.281.850	152.161.281.850	399.630.128.600	352.228.090.805	104.759.244.055	104.759.244.055			104.759.244.055

Vay ngắn hạn Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sa Đéc là khoản vay thấu chi theo Hợp đồng thấu chi số 02/2018/543444/HĐTD ngày 28 tháng 06 năm 2018 có hiệu lực từ ngày 28 tháng 06 năm 2018 đến ngày 28 tháng 06 năm 2019 và Văn bản sửa đổi, bổ sung số 02.02/2018/543444/SĐBS ngày 16 tháng 08 năm 2018 với lãi suất 6,4% và hạn mức là 16.500.000.000 VND; nhằm thanh toán chi phí vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh thường xuyên. Khoản vay được đảm bảo bằng 03 tài khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sa Đéc - Xem thêm mục 4.2.

(Xem trang tiếp theo)



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG THÁP

Địa chỉ: Số 03 Đường Tôn Đức Thắng, Phường 01, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Vay ngắn hạn Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp là khoản vay theo các hợp đồng tín dụng, được chi tiết như sau:

STT	Số Hợp đồng vay	Hạn mức (VND)	Số dư tại 31/12/2018	Ngày đáo hạn	Lãi suất (%/năm)	Mục đích vay	Tài sản thế chấp
1	05-03/2018/543444/PLHĐTC	4.000.000.000	4.000.000.000	09/08/2019	6,5	Bổ sung vốn lưu động	01 tài khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng - Xem thêm mục 4.2
2	02-01/2018/543444/PLHĐTC	26.000.000.000	26.000.000.000	15/05/2019	6,7	Bổ sung vốn lưu động	08 tài khoản tiền gửi có kỳ hạn 13 tháng - Xem thêm mục 4.2
3	04/2018/543444/HĐTC	2.000.000.000	2.000.000.000	01/10/2019	6,8	Bổ sung vốn lưu động	01 tài khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng - Xem thêm mục 4.2
4	05-02/2018/543444/PLHĐTC	34.000.000.000	34.000.000.000	29/06/2019	6,4	Bổ sung vốn lưu động	06 tài khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng - Xem thêm mục 4.2
5	01-05/2018/543444/PLHĐTC	20.000.000.000	2.500.000.000	16/12/2019	8,0	Bổ sung vốn lưu động	02 tài khoản tiền gửi có kỳ hạn 13 tháng - Xem thêm mục 4.2
Tổng cộng						68.500.000.000	

Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp là khoản vay theo hợp đồng cho vay theo hạn mức số 34/2018/VCBĐT-CRC ngày 21 tháng 12 năm 2018, có kỳ hạn 12 tháng kể từ ngày 21 tháng 12 năm 2018 với lãi suất 6,7% và hạn mức là 19.000.000.000 VND; nhằm thanh toán chi phí vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh thường xuyên. Khoản vay được đảm bảo bằng 04 tài khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp - Xem thêm mục 4.2.

Vay ngắn hạn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Cao Lãnh - tỉnh Đồng Tháp là khoản vay theo hợp đồng tín dụng số HM09.07.2018/HĐTD ngày 26 tháng 07 năm 2018 có hiệu lực từ ngày 26 tháng 07 năm 2018 đến ngày 26 tháng 07 năm 2019 với lãi suất 7% và hạn mức là 34.000.000.000 VND; có kỳ hạn 12 tháng. Khoản vay không cần tài sản thế chấp.

Các khoản vay dài hạn được chi tiết như sau:

Vay dài hạn Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Đồng Tháp theo hợp đồng tín dụng số 01/2017/HĐUV-QPTĐ ngày 02 tháng 06 năm 2017 có thời gian hoàn vốn trong vòng 55 tháng kể từ ứng vốn lần đầu vào ngày 02 tháng 06 năm 2017, với số tiền vay là 40.000.000.000 VND, lãi suất 0%; nhằm thực hiện đầu tư san lấp mặt bằng khu 2 thuộc cụm Công nghiệp Dịch vụ Thương mại Trường Xuân theo Công văn số 157/UBND-ĐTĐ ngày 09 tháng 05 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp. Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 30.000.000.000 VND, trong đó nợ dài hạn đến hạn trả là 10.000.000.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG THÁP

Địa chỉ: Số 03 Đường Tôn Đức Thắng, Phường 01, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Khoản nợ thuế tài chính của Công ty là khoản thuế hạ tầng khu công nghiệp Trần Quốc Toản giữa Công ty và Sở tài chính tỉnh Đồng Tháp theo hợp đồng số 02/HĐ ngày 11 tháng 08 năm 2010, với tổng giá trị thuế hạ tầng là 12.457.518.514 VND. trong 46 năm, bắt đầu từ năm 2010 kết thúc năm 2056. Tổng giá trị thuế hạ tầng sẽ được điều chỉnh khi các công trình đầu tư xây dựng hoàn thành và được Sở Tài chính thẩm tra phê duyệt quyết toán vốn đầu tư. Theo Công văn số 131/UBND-KTTH ngày 10 tháng 03 năm 2017, Công ty và Sở Tài chính tỉnh Đồng Tháp ký thêm phụ lục hợp đồng cho hợp đồng thuế số 02/HĐ, điều chỉnh giá thuế theo tổng giá trị vốn ngân sách đầu tư hạ tầng Khu công nghiệp Trần Quốc Toản là 25.959.244.055 VND trong 40 năm, tính từ thời điểm ngày 01 tháng 01 năm 2017. Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 24.661.281.851 VND, trong đó nợ dài hạn đến hạn trả là 648.981.102 VND.

Các khoản nợ thuế tài chính được chi tiết như sau:

Thời hạn	Tại ngày 31/12/2018		Tại ngày 01/01/2018	
	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính	Trả tiền lãi thuế	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính	Trả tiền lãi thuế
Từ 1 năm trở xuống	648.981.102	-	1.297.962.204	-
Trên 1 năm đến 5 năm	2.595.924.408	-	2.595.924.408	-
Trên 5 năm	21.416.376.340	-	22.065.357.443	-
Cộng	24.661.281.850	-	25.959.244.055	-

(Xem trang tiếp theo)

3617
ÔNG
TNH
TOÁN
M VI
TP

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG THÁP

Địa chỉ: Số 03 Đường Tôn Đức Thắng, Phường 01, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

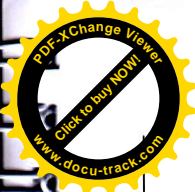
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.20. Vốn chủ sở hữu

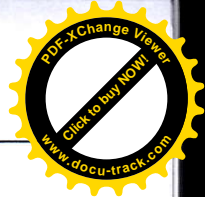
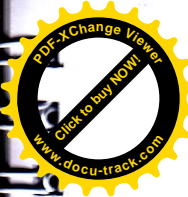
4.20.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu				Cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư và phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và các quỹ VND	
Tại ngày 11/11/2016	386.000.000.000	-	-	-	386.000.000.000
Lãi hoạt động kinh doanh từ 11/11/2016 đến 31/12/2017	-	-	-	82.498.041.253	82.498.041.253
Trích các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	(46.460.000)	16.499.608.251	(16.499.608.251)	(46.460.000)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(12.666.306.188)	(12.666.306.188)
Tặng khác	-	-	7.796.280.723	-	7.796.280.723
Tại ngày 01/01/2018	386.000.000.000	(46.460.000)	24.295.888.974	53.332.126.814	463.581.555.788
Lãi trong năm nay	-	-	-	93.296.360.525	93.296.360.525
Trích các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	18.659.272.105	(18.659.272.105)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(14.564.494.079)	(14.564.494.079)
Tặng khác	-	-	7.017.646.814	(7.017.646.814)	-
Chia cổ tức năm 2017	-	-	-	(46.314.480.000)	(46.314.480.000)
Tại ngày 31/12/2018	386.000.000.000	(46.460.000)	49.972.807.893	60.072.594.341	495.998.942.234

(Xem trang tiếp theo)



89-C
TY
H
& TỬ
T NAI
Ồ C



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.20.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
UBND tỉnh Đồng Tháp	356.999.000.000	356.999.000.000
Vốn góp của các đối tượng khác	29.001.000.000	29.001.000.000
Cộng	386.000.000.000	386.000.000.000

Theo Quyết định số 997/QĐ-UBND-HC ngày 25/09/2015 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Đồng Tháp, Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Một thành viên Xây Lắp và Vật Liệu Xây Dựng Đồng Tháp được chuyển đổi thành công ty cổ phần.

Tại ngày 10 tháng 11 năm 2016, Công ty Cổ phần Xây Lắp và Vật Liệu Xây Dựng Đồng Tháp đã nhận vốn và tài sản từ Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Một thành viên Xây Lắp và Vật Liệu Xây Dựng Đồng Tháp theo Biên Bản Bàn Giao "Vốn và Tài sản từ Doanh nghiệp nhà nước sang Công ty Cổ phần Xây Lắp và Vật Liệu Xây Dựng Đồng Tháp".

4.20.3. Cổ phiếu

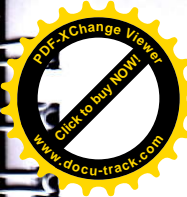
	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 01/01/2018
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành:	38.600.000	38.600.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng:	38.600.000	38.600.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ):	(4.600)	(4.600)
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành:	38.595.400	38.595.400

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

4.20.4. Các quỹ của doanh nghiệp

	Quỹ đầu tư phát triển VND
Tại ngày 01/01/2018	24.295.888.974
Trích trong năm	25.676.918.919
Chi trong năm	-
Tại ngày 31/12/2018	49.972.807.893

(Xem trang tiếp theo)



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Doanh thu cát khai thác	356.249.225.658	309.668.616.127
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	86.093.543.116	128.124.266.580
Doanh thu công trình XD CB	68.471.574.254	64.189.460.719
Doanh thu kinh doanh bất động sản	13.315.223.000	41.919.384.904
Doanh thu cung cấp dịch vụ	8.852.562.551	9.857.683.149
Cộng	<u>532.982.128.579</u>	<u>553.759.411.479</u>
Trong đó, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan – Xem thêm mục 7	5.495.669.640	4.341.563.566

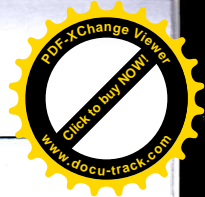
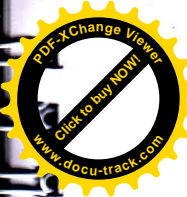
5.2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Giá vốn cát khai thác	232.855.682.534	213.967.146.963
Giá vốn công trình XD CB	67.513.154.222	31.466.106.570
Giá vốn bán hàng hóa, thành phẩm	63.477.893.670	89.316.530.535
Giá vốn BĐS	9.449.007.939	55.844.031.024
Giá vốn thử nghiệm, dịch vụ khác	3.632.437.953	6.050.018.079
Cộng	<u>376.928.176.318</u>	<u>396.643.833.171</u>

5.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	26.633.349.622	16.685.050.514
Cổ tức được chia – Xem thêm mục 7	918.050.000	1.101.600.000
Lãi phạt chậm thanh toán	25.764.666	119.982.248
Lãi tiền ký quỹ Bảo vệ Môi trường	69.320.508	62.563.502
Lãi tiền gửi thanh toán	4.732.985	13.276.388
Doanh thu hoạt động tài chính khác	5.135.728	594.662
Cộng	<u>27.656.353.509</u>	<u>17.983.067.314</u>

(Xem trang tiếp theo)



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.4. Chi phí tài chính

	<u>Năm 2018</u> VND	<u>Năm 2017</u> VND
Lãi tiền vay	4.172.487.509	2.013.156.846

5.5. Chi phí bán hàng

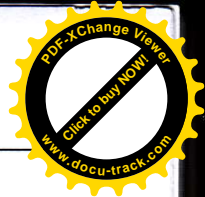
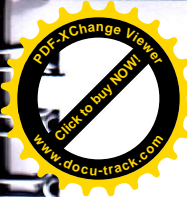
	<u>Năm 2018</u> VND	<u>Năm 2017</u> VND
Chi phí nhân viên	4.956.419.346	7.432.695.173
Chi phí nhiên liệu	4.963.616.555	5.291.814.106
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	-	34.877.273
Chi phí khấu hao TSCĐ	5.228.221.640	5.950.571.192
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.923.418.428	6.737.327.049
Chi phí bằng tiền khác	1.679.094.521	1.428.107.251
Cộng	<u>20.750.770.490</u>	<u>26.875.392.044</u>

5.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm 2018</u> VND	<u>Năm 2017</u> VND
Chi phí nhân viên quản lý	22.777.539.897	23.662.552.690
Chi phí vật liệu quản lý	299.892.330	275.756.509
Chi phí đồ dùng văn phòng	403.839.818	1.502.969.629
Chi phí khấu hao TSCĐ	3.190.845.437	3.424.990.153
Thuế, phí và lệ phí	1.319.846.491	797.894.279
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.706.924.905	1.750.666.733
Chi phí bằng tiền khác	9.201.353.755	14.773.351.374
Cộng	<u>38.900.242.633</u>	<u>46.188.181.367</u>

5.7. Thu nhập khác

	<u>Năm 2018</u> VND	<u>Năm 2017</u> VND
Xử lý kiểm kê phát hiện thừa	2.953.817.225	3.477.588.909
Thanh lý TSCĐ	383.033.822	-
Thu tiền điện thoại vượt	37.225.365	54.616.904
Cho thuê hội trường	23.090.908	76.727.272
Khác	94.488.100	397.894.999
Cộng	<u>3.491.655.420</u>	<u>4.006.828.084</u>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.8. Chi phí khác

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí không được quyết toán trong xây dựng cơ bản	5.183.422.222	-
Chi phí tham quan, du lịch	440.207.894	-
Chi thường thành tích tiết kiệm nhiên liệu	50.819.000	47.199.000
Xử lý kết quả kiểm kê thiếu	3.187.264	38.680.815
Chi phí nộp phạt, truy thu nộp thuế	-	453.286.677
Khác	63.231.303	5.820.000
Cộng	5.740.867.683	544.986.492

5.9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

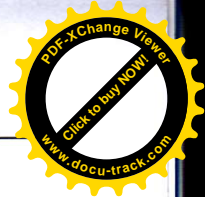
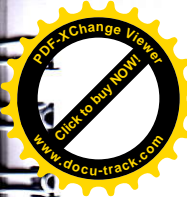
	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí nhân công	122.790.402.129	117.048.260.637
Chi phí nguyên vật liệu	69.375.324.629	58.387.671.616
Chi phí khấu hao	18.413.095.752	22.928.151.153
Chi phí dịch vụ mua ngoài	55.844.337.290	86.705.352.851
Chi phí khác	127.169.735.267	98.995.920.344
Cộng	393.592.895.067	384.065.356.601

5.10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành được xác định như sau:

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	117.545.441.907	103.438.509.685
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	5.719.615.005	802.160.143
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	(918.050.000)	-
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính	122.347.006.912	104.240.669.828
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính	24.469.401.382	20.848.133.966
Cộng: Điều chỉnh thuế TNDN từ các năm trước	(220.320.000)	92.334.466
Chi phí thuế TNDN năm hiện hành	24.249.081.382	20.940.468.432

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí/thu nhập khi tính thuế.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ

6.1. Số tiền đi vay thực thu trong năm

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	399.630.128.600	298.052.119.361

6.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(350.930.128.600)	(231.784.314.614)

7. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan

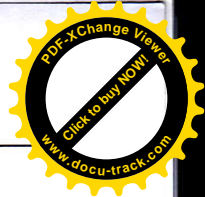
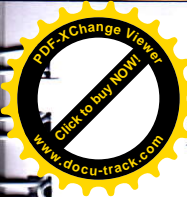
Mối quan hệ

- | | |
|--|--------------------------|
| 1. Công ty CP Vận tải BMC Đồng Tháp | Công ty con |
| 2. Công ty CP Tư vấn thiết kế Xây dựng BMC Đồng Tháp | Công ty con |
| 3. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc | Nhân sự quản lý chủ chốt |

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng – Xem thêm mục 4.3:		
Công ty CP Vận tải BMC Đồng Tháp	99.597.479	169.508.257
	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Phải thu cổ tức:		
Công ty CP Tư vấn thiết kế Xây dựng BMC Đồng Tháp	2.000.000.000	2.000.000.000
Công ty CP Vận tải BMC Đồng Tháp	618.050.000	-
Cộng – Xem thêm mục 4.5	2.618.050.000	2.000.000.000

(Xem trang tiếp theo)

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG THÁP**

Địa chỉ: Số 03 Đường Tôn Đức Thắng, Phường 01, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Phải trả người bán ngắn hạn:		
Công ty CP Vận tải BMC Đồng Tháp	(1.379.013.143)	(231.005.525)
Công ty CP Tư vấn thiết kế Xây dựng BMC Đồng Tháp	(11.997.000)	(880.401.000)
Cộng – Xem thêm mục 4.12	<u>(1.391.010.143)</u>	<u>(1.111.406.525)</u>

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Bán hàng và cung cấp dịch vụ – Xem thêm mục 5.1:		
Công ty CP Vận tải BMC Đồng Tháp	5.495.669.640	4.341.563.566
	<u>Năm 2018 VND</u>	<u>Năm 2017 VND</u>

Mua hàng và dịch vụ:

Công ty CP Vận tải BMC Đồng Tháp	28.051.153.421	46.460.466.730
Công ty CP Tư vấn thiết kế Xây dựng BMC Đồng Tháp	449.088.185	921.296.000
Cộng	<u>28.500.241.606</u>	<u>47.381.762.730</u>
	<u>Năm 2018 VND</u>	<u>Năm 2017 VND</u>

Cổ tức được chia – Xem thêm mục 5.3:

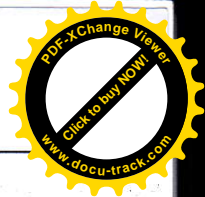
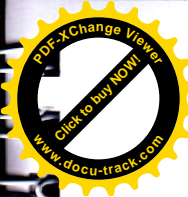
Công ty CP Vận tải BMC Đồng Tháp	918.050.000	1.101.600.000
	<u>Năm 2018 VND</u>	<u>Năm 2017 VND</u>

Nhận tiền cổ tức:

Công ty CP Vận tải BMC Đồng Tháp	300.000.000	1.101.600.000
----------------------------------	-------------	---------------

Thu nhập của Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác được hưởng trong năm như sau:

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Thù lao và thu nhập	7.108.318.281	4.647.619.473



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

8. THU NHẬP CỦA BAN KIỂM SOÁT

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Tiền lương và các chi phí hoạt động	1.686.784.009	1.159.622.700

9. CAM KẾT THEO CÁC HỢP ĐỒNG THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty thuê đất theo các hợp đồng thuê hoạt động. Các hợp đồng thuê có kỳ hạn trung bình là 40 năm, với tiền thuê cố định mỗi kỳ:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuê hoạt động ghi nhận trong năm	4.020.101.474	3.662.450.814

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty có các khoản cam kết phải trả theo các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang như sau:

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Từ 1 năm trở xuống	226.280.280	1.280.477.801
Trên 1 năm đến 5 năm	1.131.401.400	4.105.377.871
Trên 5 năm	7.618.102.760	23.355.165.016
Cộng	8.975.784.440	28.741.020.688

10. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.



Nguyễn Hữu Phước
 Tổng Giám đốc
 Đồng Tháp, ngày 13 tháng 03 năm 2019

Nguyễn Thành Trung
 Kế toán trưởng

Nguyễn Phúc An
 Người lập